

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về Quản lý dự án sản xuất thử nghiệm
cấp Trường Đại học Y khoa Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH14 ngày 18/6/2013

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các Luật sửa
đổi năm 2009, 2019 và 2022.

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa
học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 21/2/2011 về Hướng
dẫn quản lý tài chính đối với dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ
trợ kinh phí;

Căn cứ Thông tư 02/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/01/2018 Quy định về Quản lý dự
án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-ĐHYKV, ngày 31/12/2019 về Quy chế Tổ chức và
hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ.ĐHYKV-QLKH ngày 22/01/2018 của Hiệu trưởng
trường Đại học Y khoa Vinh quy định về hoạt động khoa học công nghệ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về Quản lý dự án sản xuất thử nghiệm tại Trường Đại
học Y khoa Vinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây liên
quan đến quy định này đều hết hiệu lực kể từ khi Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; viên chức,
người lao động thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trang thông tin điện tử (để thông báo);
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.



Nguyễn Văn Tuấn

QUY ĐỊNH

Quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Trường Đại học Y khoa Vinh

(Kèm theo Quyết định số ~~4596~~/QĐ-ĐHYKV ngày ~~12~~ tháng ~~11~~ năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Vinh)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc quản lý dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án) cấp Đại học Y khoa Vinh (ĐHYKV), bao gồm các nội dung: xác định dự án, tuyển chọn, phê duyệt, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu, quản lý sản phẩm của dự án và thanh quyết toán kinh phí triển khai dự án.

2. Văn bản này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia dự án sản xuất thử nghiệm cấp ĐHYKV.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dự án sản xuất thử nghiệm* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

2. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện dự án theo đặt hàng của Nhà trường thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí được quy định.

3. *Chủ nhiệm dự án* là cá nhân được ĐHQGHN giao triển khai dự án, được cấp kinh phí thực hiện và các điều kiện khác theo quy định hiện hành.

4. *Đơn vị phối hợp thực hiện dự án* là tổ chức KH&CN, doanh nghiệp xác nhận tham gia triển khai dự án với đơn vị chủ trì.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp ĐHYKV

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, sở hữu trí

tuệ và các quy định có liên quan. Sản phẩm sản xuất thử nghiệm xác định được quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp, không phát sinh tranh chấp.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực, hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị và kinh phí) nhằm hướng tới tạo sản phẩm KH&CN chất lượng cao, tạo tiền đề cho chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc hình thành các sản phẩm có khả năng tham gia thị trường.

3. Ưu tiên triển khai các dự án khai thác được nguồn lực xã hội hóa, ngoài ngân sách nhà nước. Kết hợp chặt chẽ dự án SXTN với hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong trường đại học, viện nghiên cứu; khuyến khích người học tham gia triển khai dự án.

4. Các dự án sản xuất thử nghiệm liên quan đến thuốc, dược liệu, sinh phẩm, thiết bị y tế, kỹ thuật y học, công nghệ sinh học hoặc các sản phẩm sử dụng trên người phải tuân thủ đầy đủ các quy định chuyên ngành về y tế, an toàn sinh học, đạo đức nghiên cứu và quản lý chất lượng trước khi đưa vào ứng dụng hoặc chuyển giao.

5. Chủ nhiệm dự án và đơn vị chủ trì được chủ động trong quá trình tổ chức thực hiện dự án theo nội dung được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm trước Nhà trường về tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng kinh phí và kết quả thực hiện.

Điều 4. Mục tiêu và thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm

1. Mục tiêu

a) Các dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện nhằm hoàn thiện công nghệ, quy trình kỹ thuật, sản phẩm hoặc giải pháp được hình thành từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ của Nhà trường.

b) Tạo sản phẩm có khả năng ứng dụng và thương mại hóa, nâng cao giá trị và khả năng khai thác các kết quả nghiên cứu khoa học của Nhà trường

c) Tạo tiền đề hình thành các dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) từ kết quả nghiên cứu của giảng viên, nhà khoa học và người học.

d) Góp phần đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tác động xã hội của hoạt động khoa học và công nghệ;

e) Tăng nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

2. Thời gian thực hiện dự án không quá 24 tháng tính từ khi được phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng Trường ĐHYKV quyết định

nhưng thời gian tối đa không quá 36 tháng.

Điều 5. Tài chính của Dự án

1. Nguồn kinh phí để thực hiện dự án bao gồm

- a) Kinh phí do Trường ĐHYKV cấp;
- b) Kinh phí huy động của các quỹ đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phối hợp triển khai dự án và của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng kết quả của dự án.
- c) Kinh phí hỗ trợ từ các chương trình hợp tác song phương, đa phương và từ các quỹ đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế cho Nhà trường
- d) Các nguồn kinh phí được huy động hợp pháp khác.

2. Mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành và phù hợp với các định hướng chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm của ngành trong từng giai đoạn.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ: kinh phí hoạt động của các hội đồng: xác định, xét chọn, thẩm định dự án, đánh giá nghiệm thu cấp bộ, kiểm tra thực hiện dự án được chi từ kinh phí của tổ chức chủ trì dự án và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức.

Chương II

TUYỂN CHỌN, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Điều 6. Tiêu chí xác định dự án

1. Tiêu chí chung

- a) Phù hợp với định hướng phát triển KH&CN của ĐHYKV hoặc phát triển công nghệ được nhà nước ưu tiên đầu tư, khuyến khích phát triển.
- b) Sản phẩm có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội cao; giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cấp thiết.

c) Đóng góp tích cực cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở ĐHYKV.

d) Có tính khả thi

2. Xuất xứ của công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN triển khai dự án

a) Sản phẩm KH&CN được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp,...).

b) Sản phẩm KH&CN được tặng giải thưởng KH&CN, giải thưởng tại hội thi sáng

tạo, hội chợ công nghệ quốc gia.

c) Kết quả đề tài, dự án nghiên cứu có tiềm năng phát triển và ứng dụng thực tiễn, được hội đồng nghiệm thu có kiến nghị bằng văn bản chỉ rõ sản phẩm đầu ra.

d) Kết quả KH&CN ở nước ngoài đã được tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận đủ điều kiện triển khai sản xuất thử, đồng thời được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền khai thác & sử dụng (tránh vi phạm sở hữu trí tuệ).

3. Sản phẩm đầu ra dự án phải đảm bảo các yêu cầu sau

a) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN đảm bảo tính ổn định cấp quy mô sản xuất thử nghiệm và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc triển khai cấp quy mô sản xuất công nghiệp.

b) Có địa chỉ ứng dụng và thị trường tiêu thụ.

c) Có kế hoạch, phương án tiêu thụ sản phẩm

Điều 7. Yêu cầu đối với chủ nhiệm dự án và đối tác triển khai dự án

1. Đối với chủ nhiệm dự án

a) Có trình độ từ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học của dự án;

b) Là người đề xuất phương án triển khai dự án và chủ trì xây dựng thuyết minh dự án;

c) Có khả năng trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện và đảm bảo thời gian để chủ trì triển khai dự án;

d) Đã hoàn thành quyết toán kinh phí, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đến thời hạn kết thúc (đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ).

e) Tại thời điểm xét duyệt dự án, không là chủ nhiệm dự án KH&CN khác của ĐHYKV hoặc các dự án sản xuất thử nghiệm cấp Tỉnh, Bộ trở lên.

f) Không trong thời gian bị kỷ luật

2. Đối với đơn vị phối hợp triển khai dự án

a) Là tổ chức KH&CN hoặc doanh nghiệp có lĩnh vực đăng ký hoạt động KH&CN (đối với tổ chức KH&CN) hoặc năng lực triển khai thể hiện qua hồ sơ năng lực (đối với doanh nghiệp) phù hợp với lĩnh vực KH&CN của dự án.

b) Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực và kinh nghiệm triển khai dự án.

Điều 8. Phương thức giao dự án

1. Căn cứ xác định dự án

a) Theo nhu cầu, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của Trường, Trường ĐHYKV có công văn hướng dẫn các đơn vị, cá nhân lập phiếu đề xuất dự án (Mẫu I-1.SXTN Phụ lục).

b) Do tác giả/nhóm tác giả đề xuất

Phòng QLKH&HTQT lập danh mục đề xuất dự án theo biểu mẫu (Mẫu I-2.SXTN Phụ lục), kèm theo Phiếu đề xuất trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tư vấn xác định dự án

2. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng ĐHYKV chỉ định dự án, chủ nhiệm dự án xây dựng hồ sơ thuyết minh.

Điều 9. Hội đồng tư vấn xác định dự án

1. Hội đồng tư vấn xác định dự án (sau đây gọi là hội đồng xác định) do Hiệu trưởng Trường ĐHYKV thành lập theo lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề xuất dự án, có nhiệm vụ tư vấn giúp Hiệu trưởng xác định dự án.

2. Hội đồng xác định có 07, 09 hoặc 11 thành viên, gồm chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên khác, trong đó:

a) Có 2/3 số thành viên là nhà khoa học có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành lĩnh vực tư vấn;

b) Các thành viên còn lại thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan;

c) Mỗi đề xuất dự án có 02 ủy viên phản biện;

d) Những người tham gia thực hiện dự án không tham gia Hội đồng.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện có mặt và có đầy đủ ý kiến bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện.

4. Các thành viên Hội đồng nhận xét đề xuất dự án theo mẫu phiếu nhận xét (Mẫu I-3 Phụ lục) và đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá đề xuất dự án (Mẫu I-4.SXTN Phụ lục).

Điều 10. Kết quả đánh giá của Hội đồng xác định

1. Đề xuất dự án được Hội đồng đề nghị “thực hiện” phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đồng ý đánh giá “đạt” và số thành viên này bảo đảm không ít hơn 1/2 tổng số thành viên Hội đồng.

a) Đối với đề xuất dự án được đề nghị “thực hiện”, Hội đồng xác định thống nhất về: tên, định hướng Mục tiêu, sản phẩm và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt, dự kiến kinh phí của dự án;

b) Đối với đề xuất dự án được đề nghị “không thực hiện”, Hội đồng thảo luận, thống nhất về lý do không đề nghị thực hiện.

2. Kết quả đánh giá đề xuất dự án được ghi vào biên bản họp Hội đồng xác định (Mẫu I-5.SXTN Phụ lục). Hội đồng thông qua biên bản họp Hội đồng xác định kèm theo danh Mục dự án đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện dự án (Mẫu I-6.SXTN Phụ lục)

Trong vòng 30 ngày sau khi được tuyển chọn, chủ nhiệm/đơn vị chủ trì dự án nộp hồ sơ thuyết minh thực hiện dự án về Phòng QLKH&HTQT.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án

1. Cá nhân/đơn vị chủ nhiệm dự án nộp hồ sơ gồm:

a) Thuyết minh dự án (Mẫu I-7.SXTN Phụ lục)

b) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm và các cá nhân tham gia dự án (Mẫu I-8.SXTN Phụ lục)

2. Đơn vị bên ngoài phối hợp triển khai dự án chuẩn bị hồ sơ như sau:

a) Văn bản xác nhận đồng ý tham gia triển khai dự án (Mẫu I-9.SXTN Phụ lục)

b) Văn bản pháp lý cam kết phần kinh phí đối ứng của doanh nghiệp, tổ chức KH&CN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có vốn đối ứng)

c) Giấy phép kinh doanh, báo cáo tài chính 03 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ, cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng.

d) Văn bản chứng minh năng lực KH&CN, kinh nghiệm triển khai sản xuất thử nghiệm, trang thiết bị của đơn vị để triển khai dự án

Điều 12. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp dự án

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp dự án (sau đây gọi là Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp) do Hiệu trưởng thành lập, có nhiệm vụ tư vấn giúp Hiệu trưởng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án. Mỗi Hội đồng chỉ thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp 01 dự án.

2. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp có 07 hoặc 09 thành viên, gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác, trong đó:

a) Có 2/3 số thành viên là các chuyên gia có uy tín, có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu lĩnh vực chuyên ngành của dự án;

b) Các thành viên còn lại là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan

hoạch định chính sách và tổ chức, cá nhân cấp kinh phí thực hiện dự án hoặc dự kiến thụ hưởng kết quả của dự án;

c) Có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng xác định;

d) Những người tham gia thực hiện dự án không tham gia Hội đồng.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện có mặt và có đầy đủ ý kiến bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện.

4. Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá, chấm điểm độc lập hồ sơ dự án theo các tiêu chí và thang điểm đánh giá được nêu tại Điều 14 của Quy định này và tại biểu mẫu quy định tại Điều 9, Điều 11 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 (Biểu B2-2c-NXDA và Biểu B2-3c-ĐGDA).

5. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm dự án tham dự phiên họp và trình bày tóm tắt trước Hội đồng về đề cương thuyết minh dự án, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (nếu có).

6. Hội đồng tiến hành họp kín đánh giá hồ sơ dự án: thảo luận và cho điểm độc lập về hồ sơ dự án (không có sự tham gia của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm; thành viên thực hiện dự án và đại diện tổ chức đăng ký chủ trì dự án).

7. Trong trường hợp cần thiết, Nhà trường mời chuyên gia ở ngoài Hội đồng am hiểu sâu lĩnh vực của dự án để nhận xét và đánh giá thẩm định lại hồ sơ.

Điều 13. Kết quả đánh giá của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Kết quả đánh giá hồ sơ dự án là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp Hội đồng.

2. Hồ sơ dự án được Hội đồng đề nghị thực hiện nếu có kết quả đánh giá cao nhất trong số các hồ sơ tham gia tuyển chọn và đạt tối thiểu 70/100 điểm, trong đó không có thành viên nào của Hội đồng có mặt đánh giá 0 điểm đối với các tiêu chí nêu tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 14 Quy định này.

3. Kết quả đánh giá hồ sơ dự án, kết luận và kiến nghị về những điểm cần bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ dự án được ghi vào biên bản họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp (Mẫu I-10.SXTN Phụ lục)

Điều 14. Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự án

1. Hồ sơ dự án được đánh giá bằng cách chấm điểm theo thang điểm 100 với các nhóm tiêu chí sau:

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);

- b) Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);
- c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12);
- d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16);
- đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 24);
- e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

2. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, có thể vận dụng điều chỉnh tiêu chí, thang điểm đánh giá tùy theo đặc thù, yêu cầu của từng dự án.

Điều 15. Thẩm định nội dung và kinh phí dự án

1. Căn cứ kết quả họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, Hiệu trưởng Trường ĐHYKV thành lập Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện dự án (sau đây gọi là Tổ thẩm định).

2. Tổ thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên, trong đó có 01 tổ trưởng và có ít nhất 02 thành viên đã tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Thành viên Tổ thẩm định là đại diện cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; kế hoạch - tài chính; tổ chức, cá nhân cấp kinh phí thực hiện dự án hoặc dự kiến thụ hưởng kết quả của dự án.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và gửi phòng QLKH&HTQT theo thời hạn.

4. Hồ sơ thẩm định dự án gồm các tài liệu sau:

a) Hồ sơ dự án được nêu tại Khoản 1 Điều 14 Quy định này đã được bổ sung, chỉnh sửa theo kết luận, kiến nghị của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp kèm theo biên bản họp Hội đồng;

b) Văn bản giải trình có xác nhận của tổ chức đăng ký chủ trì và chủ tịch Hội đồng (hoặc 01 ủy viên phản biện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp);

c) Báo giá nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị đã sử dụng (trong thời gian 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ thẩm định) để xây dựng dự toán kinh phí của dự án.

5. Kết quả thẩm định dự án, kết luận và kiến nghị về những điểm cần bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ dự án được ghi vào biên bản họp Tổ thẩm định dự án (Mẫu I-11.SXTN. Phụ lục)

Điều 16. Quyết định giao dự án

1. Căn cứ kết quả thẩm định dự án, Hiệu trưởng quyết định giao tổ chức, cá nhân

chủ trì thực hiện dự án và thông báo đến tổ chức chủ trì thực hiện dự án.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Tổ thẩm định và gửi phòng QLKH&HTQT theo thời hạn.

Chương III

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 17. Triển khai thực hiện dự án

1. Ký kết hợp đồng triển khai dự án

a) Hợp đồng triển khai dự án làm (Mẫu I-12.SXTN. Phụ lục)

b) Trong trường hợp dự án có Điều chỉnh, văn bản Điều chỉnh dự án là một Phần của hợp đồng thực hiện dự án..

2. Cấp kinh phí thực hiện dự án

Đơn vị chủ trì có trách nhiệm bố trí đủ nguồn kinh phí đối ứng từ đơn vị và kinh phí cam kết huy động từ đơn vị phối hợp triển khai, thụ hưởng dự án.

3. Triển khai thực hiện dự án

Chủ nhiệm dự án tổ chức thực hiện và hoàn thành các nội dung, sản phẩm theo đúng tiến độ và nội dung đã phê duyệt trong Thuyết minh dự án và trong hợp đồng triển khai; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, các quy định hiện hành về sử dụng kinh phí và chế độ báo cáo tiến độ theo quy định.

Điều 18. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

1. Chủ nhiệm dự án báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ hàng năm cho tổ chức chủ trì (Mẫu II-1.SXTN Phụ lục)

2. Trường hợp đột xuất, chủ nhiệm dự án báo cáo tình hình thực hiện dự án theo yêu cầu của Hiệu trưởng

Điều 19. Kiểm tra tình hình thực hiện dự án

1. Nhà trường tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tình hình thực hiện dự án.

2. Nội dung kiểm tra gồm tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và việc sử dụng kinh phí của dự án so với thuyết minh dự án được phê duyệt.

3. Kết quả kiểm tra là căn cứ để xem xét việc tiếp tục triển khai thực hiện dự án, Điều chỉnh dự án và cấp kinh phí.

4. Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện dự án (Mẫu II-2.SXTN Phụ lục) lưu ở Phòng QLKH&HTQT Nhà trường.

Điều 20. Điều chỉnh, bổ sung dự án, dừng dự án

1. Khi cần Điều chỉnh, bổ sung, chủ nhiệm dự án gửi văn bản đề xuất kèm theo bản Điều chỉnh dự án (Mẫu II-3.SXTN Phụ lục) về phòng QLKH, trên cơ sở xem xét hồ sơ dự án hoặc kiểm tra tình hình thực hiện dự án, Hiệu trưởng ra quyết định.

a) Việc Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án phải được thực hiện trước thời hạn kết thúc hợp đồng tối thiểu 01 tháng, chỉ được thực hiện 01 lần và không quá 12 tháng.

b) Thay đổi chủ nhiệm dự án được thực hiện trong các trường hợp sau: chủ nhiệm dự án đi học tập hoặc công tác dài hạn trên 6 tháng; bị ốm đau, bệnh tật (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền) không có khả năng Điều hành hoạt động nghiên cứu; vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính; không hoàn thành tiến độ nội dung dự án theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng hoặc vi phạm pháp luật phải đình chỉ công tác. Chủ nhiệm dự án mới phải đáp ứng các yêu cầu được nêu tại Khoản 1 Điều 7 của Quy định này. Hồ sơ đề xuất thay đổi chủ nhiệm dự án bao gồm:

- Đơn đề nghị của chủ nhiệm dự án.
- Lý lịch khoa học của cá nhân đề xuất làm chủ nhiệm dự án.
- Xác nhận tham gia làm chủ nhiệm dự án của cá nhân đề xuất làm chủ nhiệm dự án.

c) Trường hợp Điều chỉnh sản phẩm của dự án cần có ý kiến của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp dự án.

d) Việc Điều chỉnh dự án không được làm thay đổi mục tiêu của dự án.

2. Dự án phải dừng thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Dự án không thể tiếp tục triển khai do năng lực của chủ nhiệm đề tài, đơn vị chủ trì hoặc đơn vị phối hợp không đảm bảo.

b) Lý do bất khả kháng do tác động của thị trường, thay đổi chính sách pháp luật và nguyên nhân khách quan khác.

Trong các trường hợp này, chủ nhiệm phải có văn bản báo cáo ĐHYKV để xem xét quyết định và thu hồi kinh phí. Phòng QLKH&HTQT rà soát hồ sơ và tham mưu cho Hiệu trưởng phương án xử lý.

Điều 21. Thanh lý dự án, chấm dứt hợp đồng thực hiện dự án

1. Việc thanh lý dự án được tiến hành nếu có một trong các trường hợp sau:

- a) Có văn bản đề nghị thanh lý của tổ chức chủ trì dự án;
- b) Có kết luận kiểm tra của Hiệu trưởng đề nghị thanh lý;
- c) Có kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở mức “không đạt”;

d) Thời gian thực hiện đã quá 6 tháng mà không có lý do.

2. Hội đồng thanh lý dự án do Hiệu trưởng thành lập, gồm 07 hoặc 09 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là đại diện Hội đồng Khoa học và Đào tạo, phòng kế hoạch - tài chính, đại diện tổ chức tài trợ kinh phí dự án, các nhà khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án (Mẫu II-4.SXTN và Mẫu II-5.SXTN Phụ lục).

3. Căn cứ kết quả họp Hội đồng thanh lý dự án, Hiệu trưởng ký Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện dự án với chủ nhiệm dự án (Mẫu III-3.SXTN Phụ lục)

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 22. Yêu cầu đối với sản phẩm của dự án

1. Sản phẩm KH&CN của dự án:

a) Những sản phẩm có thể đo kiểm được cần được kiểm định, đánh giá tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp (phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm đo lường,...) độc lập với đơn vị chủ trì, có ý kiến thẩm định bằng văn bản.

b) Sản phẩm là nguyên lý ứng dụng, phương pháp; tiêu chuẩn; quy trình công nghệ; cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích và các sản phẩm khác cần được thẩm định bằng hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do đơn vị chủ trì thành lập.

2. Công bố khoa học: ấn phẩm được xuất bản chính thức và ghi nhận sự tài trợ của ĐHYKV.

3. Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có), ghi nhận chủ sở hữu là ĐHYKV.

4. Sản phẩm đào tạo

a) Đào tạo Thạc sĩ: Đề tài luận văn của Học viên phù hợp với hướng nghiên cứu của dự án, được chủ nhiệm hoặc thành viên chính của dự án hướng dẫn, có tham gia triển khai nội dung cụ thể của dự án. Thời gian triển khai luận văn (từ khi có Quyết định công nhận đề tài và người hướng dẫn đến khi nhận bằng) trong khoảng thời gian thực hiện dự án.

b) Hỗ trợ đào tạo Nghiên cứu sinh (NCS): NCS là thành viên tham gia thực hiện dự án, hoặc có đề tài luận án phù hợp với hướng nghiên cứu của dự án, được chủ nhiệm hoặc thành viên chính của dự án hướng dẫn, có tham gia triển khai nội dung cụ thể của dự án.

5. Nhận diện thương hiệu của ĐHYKV

Sản phẩm KH&CN của dự án phải thể hiện thương hiệu của ĐHYKV.

Điều 23. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án

1. Sau khi hoàn thành đầy đủ nội dung chuyên môn và các sản phẩm của dự án, chủ nhiệm dự án nộp Hồ sơ đề nghị nghiệm thu dự án cho đơn vị chủ trì bao gồm:

- a) Báo cáo tổng kết dự án (Mẫu II-6.SXTN Phụ lục)
- b) Báo cáo quyết toán kinh phí dự án (Mẫu II-7.SXTN Phụ lục)
- c) Minh chứng các sản phẩm của dự án và các tài liệu, hồ sơ có liên quan.
- d) Đơn đề nghị nghiệm thu của chủ nhiệm dự án.

2. Phòng QLKH&HTQT của Trường chủ trì cử cán bộ thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị nghiệm thu và hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá dự án sản xuất thử nghiệm

Điều 24. Hội đồng nghiệm thu dự án và Tổ kiểm tra sản phẩm dự án

1. Sau khi nhận đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu dự án, phòng QLKH soạn thảo và trình Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án và Tổ kiểm tra sản phẩm dự án.

2. Hội đồng nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm cấp ĐHYKV bao gồm 7-9 người:

- Chủ tịch Hội đồng
- Phó Chủ tịch Hội đồng
- 02 ủy viên phản biện. Ủy viên phản biện phải là chuyên gia ngoài đơn vị chủ trì.
- Các ủy viên (trong đó có 01 ủy viên là đại diện Ban KHCN, bổ sung ghi số lượng ủy viên).

Thành viên Hội đồng là các chuyên gia có uy tín, am hiểu sâu về lĩnh vực KH&CN liên quan; cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan. Chủ nhiệm, các thành viên thực hiện dự án và các cá nhân liên quan đến sản phẩm sản xuất thử nghiệm không tham gia Hội đồng nghiệm thu.

Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có nhiệm vụ tư vấn đánh giá kết quả dự án so với hợp đồng và các văn bản thỏa thuận, Điều chỉnh (nếu có).

3. Tổ kiểm tra sản phẩm dự án gồm Tổ trưởng là chuyên gia có uy tín và chuyên môn sâu về lĩnh vực của dự án (ưu tiên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện của Hội đồng nghiệm thu), các thành viên là lãnh đạo phòng QLKH&HTQT, chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm, lĩnh vực công tác phù hợp.

4. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án và Tổ kiểm tra sản phẩm dự án, Tổ kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra thực tế các sản phẩm đã đăng ký của Dự án theo thuyết minh dự án đã được phê duyệt, bao gồm:

- a) Sản phẩm công nghệ: theo số lượng sản phẩm đăng ký.
- b) Quy trình thiết bị/công nghệ.
- c) Khu vực tiến hành sản xuất (vùng nguyên liệu, nhà máy,...).
- d) Các sản phẩm khác.

Tổ kiểm tra có quyền yêu cầu đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án chứng minh thực tế về chất lượng sản phẩm dự án. Khi số lượng, chất lượng các sản phẩm đã đảm bảo, Tổ kiểm tra hoàn thiện biên bản kiểm tra chuyển phòng QLKH&HTQT tổng hợp. Căn cứ kết quả kiểm tra, phòng QLKH&HTQT tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm.

Điều 25. Quy trình tổ chức nghiệm thu dự án

1. Trong vòng 15 ngày kể từ khi có kết quả kiểm tra sản phẩm dự án của Tổ kiểm tra, phòng QLKH&HTQT tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu dự án. Hội đồng tiến hành họp khi có mặt từ 2/3 số thành viên Hội đồng trở lên, trong đó nhất thiết phải có chủ tịch và ít nhất 01 ủy viên phản biện.

2. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu, giới thiệu các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự phiên họp.

b) Đại diện phòng QLKH&HTQT nêu các quy định, yêu cầu nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm.

c) Hội đồng cử một thành viên làm ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng.

d) Chủ nhiệm dự án trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, kết quả triển khai, tình hình sử dụng kinh phí của dự án.

đ) Các ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện dự án; Ủy viên thư ký đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

e) Thư ký khoa học đọc văn bản thẩm định sản phẩm của cơ quan chuyên môn, biên bản thẩm định sản phẩm của hội đồng chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia.

g) Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm dự án về kết quả và các vấn đề liên quan đến dự án. Chủ nhiệm dự án và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của Hội đồng.

h) Hội đồng đánh giá, xếp loại dự án bằng phương thức chấm điểm (Mẫu III-

1.SXTN Phụ lục)

4. Hội đồng hoàn thiện và thông qua biên bản họp Hội đồng điểm (Mẫu III-2.SXTN Phụ lục), chuyển phòng QLKH&HTQT tổng hợp.

Điều 26. Tiêu chí đánh giá và xếp loại dự án

1. Tiêu chí đánh giá về kết quả dự án::

a) Tổ chức triển khai dự án;

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký tại Thuyết minh dự án và hợp đồng;

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính của dự án so với hợp đồng (thông qua các tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất...);

d) Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và các tài liệu liên quan kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...).

2. Xếp loại dự án:

Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở xếp loại dự án vào một trong hai mức: “đạt” hoặc “không đạt”.

a) Mức “đạt” nếu dự án được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá đã hoàn thành cơ bản các yêu cầu nêu tại Khoản 1 Điều này;

b) Mức "không đạt" nếu dự án không được 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá đã hoàn thành cơ bản các yêu cầu nêu tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “không đạt”, cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tiêu chí đánh giá cấp cơ sở và xếp loại dự án

1. Tiêu chí đánh giá cấp cơ sở về kết quả dự án:

a) Tổ chức triển khai dự án;

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký tại Thuyết minh dự án và hợp đồng;

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính của dự án so với hợp đồng (thông qua các tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất...);

d) Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và các tài liệu liên quan kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...).

2. Xếp loại dự án

Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở xếp loại dự án vào một trong hai mức: “đạt” hoặc “không đạt”.

a) Mức “đạt” nếu dự án được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá đã hoàn thành cơ bản các yêu cầu nêu tại Khoản 1 Điều này;

b) Mức "không đạt" nếu dự án không được 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá đã hoàn thành cơ bản các yêu cầu nêu tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “không đạt”, cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng để Trường xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá

1. Đối với dự án được Hội đồng đánh giá ở mức “đạt”, trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng. Hồ sơ nộp về bao gồm:

a) 01 bản báo cáo tổng kết dự án.

b) Bản giải trình hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm (Mẫu III-3.Phụ lục)

c) Các công bố và xác nhận liên quan của nhiệm vụ.

d) Giấy xác nhận của bộ phận tài chính về việc dự án đã quyết toán kinh phí và đã xử lý tài sản (nếu có).

e) Đĩa CD hoặc USB ghi lại toàn bộ bản báo tổng kết và các bảng biểu, hình vẽ, bản đồ, sơ đồ và tư liệu có liên quan.

f) Có thể có sản phẩm mẫu đối với các sản phẩm có tính thương mại hoặc có thể triển khai kinh doanh thử nghiệm được.

2. Chủ nhiệm dự án thực hiện đăng ký kết quả của dự án với Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định hiện hành.

3. Đối với dự án được Hội đồng đánh giá ở mức “không đạt”, phòng QLKH&HTQT báo cáo Hiệu trưởng ra quyết định dừng thực hiện dự án và xử lý theo các quy định tại Khoản 2 Điều 33 của Quy định này

Điều 29. Xử lý tài sản sau đánh giá, nghiệm thu

1. Dự án được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các tài sản đã mua sắm bằng

ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

2. Đối với tài sản được mua sắm bằng nguồn kinh phí của Nhà trường, sau khi dự án được nghiệm thu và quyết toán kinh phí, tài sản này được xử lý như sau:

- Chủ nhiệm dự án bàn giao cho Trường tài sản còn giá trị sử dụng.
- Thanh lý tài sản đối với các tài sản không còn sử dụng được.

Việc bàn giao, thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Đối với dự án được xếp loại ở mức “Không đạt”, chủ nhiệm dự án chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả theo quy định hiện hành.

4. Sau khi chủ nhiệm dự án hoàn tất thủ tục thanh quyết toán và nộp các sản phẩm của dự án theo quy định tại Điều 29, phòng QLKH&HTQT ký thanh lý Hợp đồng thực hiện (Mẫu III-3.SXTN Phụ lục) và trình Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận kết quả Dự án sản xuất thử nghiệm.

Điều 30. Nhận diện thương hiệu ĐHYKV trên sản phẩm dự án

1. Sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm của Trường phải thể hiện thương hiệu của Đ ĐHYKV theo quy định tại các văn bản liên quan của ĐHYKV.

2. Sản phẩm không ghi đầy đủ thông tin nhận diện thương hiệu ĐHYKV sẽ không được tính là sản phẩm của dự án khi nghiệm thu.

Điều 31. Quản lý và sử dụng sản phẩm của dự án

1. ĐHYKV quản lý kết quả, sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm cấp Trường. Việc sử dụng các kết quả, sản phẩm của các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước và của ĐHYKV.

Đối với kết quả nghiên cứu, sản phẩm của các dự án quản lý theo chế độ mật được bảo mật theo các quy định của Nhà nước.

2. Để chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản phẩm ứng dụng của dự án với tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi dự án phải có đơn đề nghị của chủ nhiệm dự án và được ĐHYKV cho phép bằng văn bản.

3. Việc phân chia lợi nhuận của sản phẩm dự án cho các bên tham gia thực hiện theo các văn bản liên quan của ĐHYKV.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Khen thưởng

1. Cá nhân có thành tích trong triển khai dự án SXTN cấp Trường thuộc một trong các trường hợp sau được đề xuất tặng Giấy khen của Hiệu trưởng:

a) Sản phẩm dự án đưa vào lưu hành trên thị trường được cộng đồng đánh giá cao, thể hiện qua doanh thu và ý kiến xác nhận của bên đối tác.

b) Dự án được nghiệm thu đạt loại Xuất sắc.

2. Nguồn kinh phí khen thưởng và mức khen thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành của ĐHYKV.

Điều 33. Xử lý vi phạm

1. Các hình thức vi phạm

a) Không hoàn thành dự án đối với các trường hợp: đã quá hạn 06 tháng so với thời gian quy định mà chưa nghiệm thu được; không đủ khả năng tiếp tục thực hiện; Hội đồng nghiệm thu đánh giá ở mức "không đạt".

b) Không trung thực trong khoa học.

2. Xử lý vi phạm

a) Chủ nhiệm dự án không hoàn thành dự án sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước và phải bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần kinh phí đã được cấp theo kết quả đánh giá của Hội đồng và xác minh của các cấp quản lý tương ứng. Chủ nhiệm dự án không hoàn thành dự án sẽ không được đăng ký chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trong vòng 3 năm kể từ thời điểm vi phạm.

b) Chủ nhiệm dự án và thành viên tham gia dự án không trung thực trong khoa học, tùy tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các nội dung liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm cấp Trường ĐHYKV

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện văn bản

này trong toàn Trường, phối hợp với các khoa, phòng ban chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này.

2. Chủ nhiệm dự án, các thành viên dự án, các nhà khoa học và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các dự án được giao; tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà trường về quản lý KH&CN!

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn